

Số: 1054 /TTYT-KD

Ninh Hải, ngày 08 tháng 10 năm 2024

V/v xin báo giá gói thầu mua sắm một số danh mục trang thiết bị năm 2024 của TTYT Ninh Hải

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 54/2024/TT-BTC ngày 24/7/2024 của Bộ Tài chính về bãi bỏ các thông tư của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

Căn cứ Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định phân cấp quản lý tài sản công của tỉnh Ninh Thuận và Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận sửa đổi, bổ sung một số khoản của điều 2 Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp quản lý tài sản công của tỉnh Ninh Thuận;

Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm một số danh mục trang thiết bị phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh năm 2024 của Trung tâm Y tế Ninh Hải với nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải. 93 Phạm Ngọc Thạch, Khánh Sơn, Khánh Hải, Ninh Hải, Ninh Thuận.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng Văn thư - Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải; 93 Phạm Ngọc Thạch, Khánh Sơn, Khánh Hải, Ninh Hải, Ninh Thuận.

Số điện thoại: 0259 -3873070; Email: benhvienninhhai@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản gốc nhận trực tiếp tại địa chỉ: Gửi theo đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Phòng Văn thư - Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải; 93 Phạm Ngọc Thạch, Khánh Sơn, Khánh Hải, Ninh Hải, Ninh Thuận.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15h00 phút, ngày 11 tháng 10 năm 2024 đến trước 17h ngày 25 tháng 10 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 25/10/2024.

II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Danh mục chào giá: Theo phụ lục 01 đính kèm

2. Yêu cầu hồ sơ nhà thầu tham dự:

- Thư chào giá hoặc bảng báo giá của nhà thầu (*Theo mẫu phụ lục 02*)

- Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế (nếu có).

3. Địa điểm giao hàng: Khoa Dược - TTB - VTYT, 93 Phạm Ngọc Thạch, Khánh Sơn, Khánh Hải, Ninh Hải, Ninh Thuận.

4. Các thông tin khác :

- Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có).

- Thư yêu cầu báo giá này được đăng trên trang Website:

<https://trungtamytinhhai.com>, <https://muasamcong.mpi.gov.vn>;
<https://chaogiattbyt.moh.gov.vn>

- Ngoài phong bì, Quý công ty ghi rõ thông tin:

+ Tên đơn vị tham gia báo giá;

+ Tên gói thầu báo giá;

+ Người nhận: Phòng Văn thư - Trung tâm y tế huyện Ninh Hải; 93 Phạm Ngọc Thạch, Khánh Sơn, Khánh Hải, Ninh Hải, Ninh Thuận; SĐT: 0259.3873070.

Rất mong nhận được sự hợp tác của các nhà thầu./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, KD-TTB-VTYT.

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Hương

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

(Đính kèm Công văn số: 1054 /TTYT-KD ngày 08/10/2024 của Trung tâm Y tế Ninh Hải)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Máy siêu âm màu 4D	<p>Hàng hóa mới 100%, sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001, FDA</p> <p>I. Cấu hình cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 máy với màn hình chính 21.5 inch, màn hình cảm ứng 8.9 inch, được thiết kế dạng xe đẩy - Các loại đầu dò theo hệ thống: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu dò Convex 1: 01 cái + Đầu dò Linear : 01 cái + Đầu dò Khối: 01 cái + Đầu dò Tim: 01 cái <p>Phụ kiện đi kèm (mua trong nước):</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5kg Gel siêu âm - Bộ lưu điện 1kVA: 01 bộ - Bộ vi tính có cấu hình tiêu chuẩn: 01 bộ - Máy in phun màu vi tính khổ A4 - Card bắt hình và phần mềm báo cáo kết quả tiếng Việt <p>II. Chi tiết kỹ thuật:</p> <p>1. Máy chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 3 ổ cắm đầu dò hoạt động - Hệ điều hành: Microsoft® Windows 10 - Tạo chùm tia kỹ thuật số ≥ 12 bit - Số chu kỳ có thể lập trình, tần số ≥ 22MHz - Kênh xử lý kỹ thuật số: $\geq 3.000.000$ kênh - Dải động: ≥ 250dB với 27 bước - Tốc độ khung hình: ≥ 1515Hz - Các cổng kết nối: LAN, ≥ 6 cổng USB, ECG, HDMI, vào/ra âm thanh - Bàn phím ký tự trên màn hình cảm ứng - Có chức năng đo Doppler tự động <p>1.1 Chức năng siêu âm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bụng, Xuyên sọ (Người lớn, Sơ sinh), Tuyến vú, Phụ khoa, Cơ xương khớp, Sản khoa, Nhi khoa, Bộ phận nhỏ, Tuyến giáp, Siêu âm trong phẫu thuật/can thiệp, Mạch máu, Tổng quát (Sơ sinh, Nhi khoa, Người lớn), Tiết niệu <p>1.2 Các nút chuyên dụng trên bảng điều khiển:</p> <ul style="list-style-type: none"> - B-Mode 	Máy	01

	<ul style="list-style-type: none"> - M-Mode - CFM - PWR D - PW - CW - ≥ 8 nút điều khiển TGC <p>1.3 Màn hình chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình LED: ≥ 21.5 inch - Công nghệ IPS, ≥ 16.7 triệu màu - Độ phân giải màn hình: $\geq 1920 \times 1080$ pixel - Độ phân giải hình ảnh: $\geq 1120 \times 800$ pixel - Cánh tay điều chỉnh màn hình dạng khớp xoay <p>1.4 Màn hình điều khiển cảm ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: ≥ 8.9 inch - Độ phân giải: $\geq 1024 \times 600$ pixel <p>1.5 Các mode vận hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - B-Mode (2D) - Màu hóa 2D, M-Mode và PW/CW - Doppler PW/CW - HPRF - Doppler màu CFM - Doppler năng lượng Power Doppler - Doppler năng lượng có hướng VeloPower - Siêu âm tăng cường độ nhạy và độ phân giải hình ảnh dòng chảy mạch máu XFlow - Siêu âm hòa âm mô TEI - Siêu âm hình ảnh hình thang mở rộng TPView - Siêu âm toàn cảnh VPan - Hình ảnh 3D/4D <p>1.6 Các mode hình ảnh hiển thị đồng thời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - ≥ 256 mức xám hoặc mức màu B - Xoay ảnh: Trái/ phải, Lên/ Xuống - Chế độ Triplex thời gian thực (2D+CFM+PW) - 2D+2D (có hoặc không có CFM hoặc PWR_D) - Chế độ 2D+M (cập nhật hoặc Duplex thời gian thực) - Chế độ 2D+CFM+M (cập nhật) - 2D+Doppler (cập nhật hoặc Duplex thời gian thực) - 2D+CFM+Doppler (cập nhật hoặc Triplex thời gian thực) - 2D+PWRD/VeloPower - 2D+PWRD/VeloPower+Doppler (cập nhật hoặc Triplex thời gian thực) - 2D+TVM - 2D+TV - 2D+TVM+(M-Mode hoặc PW) - 2D+TVM+TV - Màu hóa tất cả các kết hợp (≥ 23 loại) <p>1.7 Báo cáo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo sinh trắc học và báo cáo theo lập trình người 		
--	---	--	--

	<p>sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo được lưu tự động trong dữ liệu bệnh nhân - Báo cáo xuất dưới dạng PDF và XLM <p>2. Đầu dò:</p> <p>2.1 Đầu dò Convex :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng: Bụng, tim, phụ khoa, cơ xương khớp, thai nhi, tiết niệu, mạch máu - Tần số: $\leq 1 - \geq 8$ MHz - Trường nhìn: $\leq 6^\circ$ đến $\geq 71^\circ$ - Số chân tử: ≥ 192 chân tử - Độ sâu thăm khám: $\leq 50 - \geq 414$ mm - Tần số B-M Mode: PEN-H, PEN-L, RES-H, GEN-M, ≥ 4 mức - Tần số TEI-MTEI: PEN-H, PEN-L, GEN-M, RES-H, ≥ 4 mức - Tần số CFM: 1.8, 2.0, 2.5, 3.3 MHz, ≥ 4 mức - Có hỗ trợ hướng dẫn sinh thiết góc: $\geq 15^\circ, 25^\circ, 35^\circ$ <p>2.2 Đầu dò Linear:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng: Bụng, Vú, Cơ xương khớp, Nhi khoa, Tim nhi, Cơ quan nhỏ, Tuyến giáp, Mạch máu - Tần số: $\leq 4 - \geq 15$ MHz - Trường nhìn: $\leq 16 - \geq 46$ mm ($3^\circ-36^\circ$ với Tp-View) - Số chân tử: ≥ 192 chân tử - Độ sâu thăm khám: $\leq 22 - \geq 103$ mm - Tần số B-M Mode: PEN-H, PEN-M, PEN-L, GEN-L, GEN-M, RES-L, RES-M, RES-H, 8 mức - Tần số TEI-MTEI: PEN-H, PEN-L, GEN-L, RES-L, RES-H, 5 mức - Tần số CFM-PW: 4.2, 4.5, 5.0, 5.6, 6.3, 7.1, 8.3 MHz, ≥ 7 mức - Góc láo tia: $\geq 21^\circ$ (trong chế độ Màu) - Có hỗ trợ hướng dẫn sinh thiết góc: $40^\circ, 60^\circ$ <p>2.3 Đầu dò Khối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng: Bụng, Phụ khoa, Sản khoa và Thai nhi - Tần số: $\leq 1 - \geq 8$ MHz - Trường nhìn: $\leq 8^\circ - \geq 82^\circ$ - Độ sâu thăm khám: $\leq 46 - \geq 343$ mm - Tần số B-M Mode: PEN-H, PEN-L, GEN-M, RES-L, RES-H, ≥ 5 mức - Tần số TEI-MTEI: PEN-H, PEN-L, GEN-M, RES-L, RES-H, ≥ 5 mức - Tần số CFM-PW: 2.4, 2.8, 3.3, 3.8 MHz, 4 mức <p>2.4 Đầu dò Tim:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng: Bụng, Đầu người lớn, Tim, Sản và Thai nhi, Mạch máu - Tần số: từ 1 – 4 MHz - Trường nhìn: $16^\circ-87^\circ$ - Độ sâu thăm khám: 44-349 mm 		
--	---	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Tần số B-M Mode: PEN-H, PEN-L, GEN-M, RES-H, 4 mức - Tần số TEI: PEN-H, PEN-L, GEN-M, RES-H, 4 mức - Tần số CFM-PW: 1.7, 2.0, 2.5 MHz, 3 mức - Tần số CW: 2.1, 2.5 MHz, 3 mức <p>3. Các mode siêu âm chính</p> <p>3.1 B-mode (2D):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ sâu thăm khám: $\leq 22 - \geq 414$ mm tùy từng đầu dò - Trường nhìn (tùy từng đầu dò): + $\leq 19^\circ - \geq 199^\circ$ trên đầu dò Convex + $\leq 14^\circ - \geq 90^\circ$ trên đầu dò Mảng pha + $\leq 16 - \geq 47$ mm trên Đầu dò Linear + $\leq 3^\circ - \geq 60^\circ$ trên đầu dò Linear với TP-View - Năng lượng sóng âm phát ra điều chỉnh được: $\leq 0 - \geq 100\%$ trong ≥ 20 bước - Gain B-Mode điều chỉnh được: $\leq 0\% - \geq 100\%$ - Bản đồ: + ≥ 11 bản đồ thang xám + ≥ 20 bản đồ màu Color Doppler + ≥ 9 bản đồ màu Power Doppler - Có thể thay đổi phóng đại $\geq 20x$ với ảnh thời gian thực và $\geq 12x$ với ảnh tĩnh - Lái tia (đầu dò Linear): $\geq \pm 30^\circ$ với ≥ 15 bước - Tự động điều chỉnh Gain và TGC - Có thể thay đổi gain ở chế độ dừng hình - Có cửa sổ điều hướng cho Chế độ thu phóng <p>3.2 M-mode:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian quét: $\leq 1,7 - \geq 12$ giây - Tốc độ quét: ≥ 5 mức (tối thiểu, chậm, trung bình, nhanh, tối đa) - Dòng có CMM: ≥ 3 dòng - Có thể thay đổi gain ở chế độ dừng hình <p>3.3 Doppler Màu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gain Doppler điều chỉnh được: $\leq 0\% - \geq 100\%$ - Tần số: $\leq 1.7 - \geq 16.7$ MHz - Tốc độ phân tích tần số mẫu: ≤ 125 Hz đến ≥ 23.2 KHz - Lọc thành: ≥ 5 mức - Dữ liệu động: ≥ 11 bit - Tốc độ khung hình: ≥ 211 Hz - Dải vận tốc CFM: $\geq 5.35m/giây$ - Kích thước gói: $\leq 4 - \geq 16$ <p>3.4 Doppler PW:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tần số: $\leq 1.7 - \geq 16.7$ MHz - PRF: ≤ 500 Hz - ≥ 41.7 KHz - Lọc thành: $\leq 50 - \geq 1200$ Hz (10 bước) - Thời gian quét: $\leq 1.7 - \geq 12$ giây 		
--	--	---	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Phổ: Kiểu FFT với tần số 64, 128 hoặc 256, được nội suy ≥ 512 điểm (thời gian phân tích: ≤ 1 ms) - Kích thước mẫu: $\leq 0,5 - \geq 24$ mm - Hiệu chỉnh góc: $\leq 0^\circ$ đến $\geq 90^\circ$ - Dải vận tốc PW: $\geq +/-8.02$m/s - Tự động điều chỉnh gain Doppler, tỉ lệ - Có thể thay đổi gain và đường cơ sở ở chế độ dừng hình - Điều chỉnh Đường cơ sở: ≤ 0 đến ≥ 15 bước <p>3.5 Doppler CW:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tần số: $\leq 2.0 - \geq 8$ MHz - Lọc thành: $\leq 40 - \geq 1800$ Hz (8 step) - Hiệu chỉnh góc: $\leq 0^\circ$ đến $\geq 90^\circ$ - Thời gian quét: $\leq 1.7 - \geq 12$ giây - Phổ: Kiểu FFT với tần số 64, 128 hoặc 256 - Dải vận tốc CW: $\geq +/- 6.42$ m/s - Có thể thay đổi gain và đường cơ sở ở chế độ dừng hình - Tự động điều chỉnh gain Doppler, tỉ lệ - Điều chỉnh Đường cơ sở: ≤ 0 đến ≥ 15 bước <p>3.6 Doppler Năng lượng có hướng (VeloPower):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thuật toán tự động loại bỏ nhiễu - ≥ 5 bản đồ VeloPower - Tần số: ≤ 2 MHz đến $\geq 16,7$ MHz - PRF: ≤ 125Hz đến ≥ 25KHz - Bộ lọc phân biệt chuyển động: ≥ 3 mức (Tối thiểu, Trung bình, Tối đa) - Các thông số xử lý: + Persistence (Kiên trì): ≥ 10 mức + Smoothing (Làm mịn): Thấp, Trung bình và Tối đa + Ngăn chặn hiện vật di chuyển: ≥ 5 mức + Gain: ≤ 0 tới ≥ 255 - Thông số xử lý hậu kì: + Tương quan (Correlation) + Từ chối (Rejection) + Độ bão hòa (Saturation) + Bản đồ xám (Grey Maps) <p>3.7 Các phần mềm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm siêu âm hòa âm mô (TEI) - Phần mềm loại bỏ nhiễu đốm (XView) - Phần mềm tự động điều chỉnh thông số Hình ảnh, CFM, Doppler (AutoAdjust) - Phần mềm mở rộng trường nhìn (TPView) - Phần mềm hình ảnh toàn cảnh (VPan) - Phần mềm tăng cường độ nhạy, phát hiện dòng chảy mạch máu (XFlow) - Phần mềm đánh giá tổn thương vú và tuyến giáp (Bi-rads, Ti-rads) - Phần mềm quản lý dữ liệu khối 3D/4D 		
--	--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm tự động đo hình thái học thai nhi (AutoOB) <p>3.8 Khả năng lưu trữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ảnh tĩnh (Độ phân giải đầy đủ) - Video Clip (Độ phân giải đầy đủ) - Video clip Doppler (Độ phân giải đầy đủ) - Cine: ≥ 4000 khung hình - Ổ đĩa cứng: $\geq 500GB$ - Có thể lưu ảnh tĩnh và vòng lặp theo định dạng DICOM - Khả năng lưu trữ ảnh động và ảnh tĩnh thời gian thực <p>3.9 Xuất dữ liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh: Định dạng tiêu chuẩn (BMP, PNG, JPEG), định dạng gốc và DICOM - Clip: Định dạng AVI: Microsoft MPEG4-V2 và MS-Video1, định dạng gốc và DICOM 		
2.	Máy kéo nắn cột sống	<p>Hàng hóa mới 100%, sản xuất: 2023 trở về sau Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> <p>I. <u>Cấu hình cung cấp</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính kèm màn hình cảm ứng: 01 cái - Núm dừng khẩn cấp : 01 cái - Kê chân điều chỉnh : 01 cái - Dây đai kéo cổ : 01 cái - Dây đai kéo lưng : 01 cái - Dây đai vùng ngực : 01 cái - Bàn kéo giãn cột sống cột sống nâng hạ điện đồng bộ chính hãng với máy chính : 01 cái - Thanh điều chỉnh góc kéo có puly: 01 cái - Giá đỡ máy chính: 01 cái - Dây kéo bằng nylon 170cm có móc leo núi (móc carabiner) : 01 cái - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt : 01 bộ <p>II. <u>Chi tiết kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị mới, dễ sử dụng nhờ vào màn hình cảm ứng và giao diện trực quan. Menu được sắp xếp theo cấu trúc giúp cho quý khách lựa chọn ứng dụng điều trị dễ dàng. Tất cả các thông tin cần thiết đều được hiển thị, không chỉ khi thiết lập các thông số điều trị và còn trong suốt quá trình điều trị. - Loại điều trị: kéo liên tục, kéo không liên tục, kéo không liên tục tăng dần đều, kéo không liên tục giảm dần đều, kéo không liên tục theo chu kỳ - Có thể kết hợp ≤ 1 đến ≥ 5 kiểu kéo trong 1 chương trình kéo. - Lực kéo: $\leq 15 - \geq 900$ N / $\leq 1.5 - \geq 90$ kg / $\leq 3.4 - \geq 202$ Lbs - Thời gian kéo/ Thời gian giữ lực cơ sở: ≤ 1 giây – ≥ 1 giờ (quãng nghỉ 1 giây) - Lặp lại: (không liên tục và theo chu kỳ): $\leq 1 - \geq 100$ 	Máy	01

		<p>lần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian giữ các bước (luỹ tiến): ≤ 1 giây – ≥ 5 phút (quãng nghỉ 1 giây) - Các bước (luỹ tiến): ≤ 1 – ≥ 25 - Tốc độ (thay đổi lực kéo): ≤ 1 – ≥ 50 N/ giây (khoảng cách 1 N); ≤ 0.1 – ≥ 5.0 kg/giây; ≤ 0.2 – ≥ 11.2 Lbs/giây - Thời gian điều trị: ≤ 1 giây – ≥ 150 phút - Phác đồ điều trị tự tạo: $\geq 100+$ - Phác đồ điều trị có sẵn: \geq (Có) 3 - Chương trình tuần tự: \geq (Có) trên 5 hình thức thực hiện liệu pháp kéo kết hợp) - Kiểm soát an toàn cho lực kéo trên: ≥ 200 N/ ≥ 20 kg/ ≥ 45.2 lbs - Màn hình cảm ứng chạm: ≥ 4.3 inches, đầy đủ màu sắc, cảm ứng điện dung - Màn hình tinh thể lỏng nhiều sắc màu - Điện áp nguồn: ≤ 100 - ≥ 240 V (50/60 Hz) - Mức tiêu thụ điện năng tối đa: ≥ 50 VA - Kích thước: ≤ 30 x 34 x 22 cm - Tiêu chuẩn an toàn và hiệu suất: Phân loại thiết bị y tế IIb - Thiết bị này tuân thủ tất cả các yêu cầu thiết yếu của Chỉ thị về Thiết bị Y tế (93/42 / EEC). - Lớp an toàn I (IEC 60601-1) <p>Loại B Dòng rò và đất an toàn tương ứng với tiêu chuẩn IEC 60601 -1.</p>		
3.	Máy siêu âm điều trị	<p>Hàng hóa mới 100%, sản xuất: 2023 trở về sau Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> <p>I. <u>Cấu hình cung cấp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - 01x Máy chính kèm màn hình cảm ứng và phần mềm ngôn ngữ Tiếng Việt - 01x Dây nguồn - 01x Đầu phát siêu âm đa tần 5 cm^2 - 01x Giá đỡ đầu phát - 01x Lọ gel điều trị siêu âm - 01x Bộ hướng dẫn sử dụng Anh/ Việt <p>II. <u>Chi tiết kỹ thuật :</u></p> <p>Tính năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình cảm ứng màu ≥ 4.3 inch và ≥ 9 nút điều khiển thuận tiện với người dùng - Có sẵn các chương trình điều trị đặt trước cho các phương pháp điều trị phổ biến: ≥ 98 chương trình siêu âm - Dễ dàng lưu trữ các chương trình do người dùng thiết lập - Điều chỉnh độc lập các thông số điều trị - Thay đổi đầu phát bằng phím bấm - Số công siêu âm: ≥ 02 công 	Máy	01

	<ul style="list-style-type: none"> - Chế độ xung (pulse) và liên tục (continuous). - Đầu phát siêu âm đa tần : $\geq 1\text{MHz}$ và $\geq 3,3\text{ MHz}$, kích thước $\geq 5\text{cm}^2$ hoặc $\geq 1\text{ cm}^2$ - Đầu phát chống nước, có thể điều trị siêu âm dưới nước. - Điều chỉnh độ nhạy tiếp xúc của đầu phát. - Đầu phát phát tín hiệu khi tiếp xúc với bệnh nhân, hiển thị kết nối bằng vạch thang màu. - Kiểm tra phiên bản của phần mềm - Kiểm tra số lần điều trị và tổng thời gian điều trị - Cài đặt âm lượng (bao gồm cả tín hiệu kết thúc điều trị): $\leq 0 - \geq 100\%$ mức tối đa - Cài đặt thời gian của tín hiệu kết thúc điều trị: 15s, 30s, 1p, 2p, vô tận - Cài đặt độ nhạy của đầu phát: - Nếu tiếp xúc bằng và $\geq 50\%$, thời gian điều trị sẽ đếm ngược - Nếu không có kết nối ($\leq 50\%$): Phát sóng siêu âm bị dừng; Thời gian điều trị không được tính ngược; Tín hiệu âm thanh vang lên và đèn led trên đầu phát nhấp nháy - Trạng thái kết nối vẫn được kiểm soát, nhưng nếu không có kết nối trong 1 phút, quá trình điều trị sẽ dừng lại và thông tin liên quan được hiển thị. Nếu kết nối được khôi phục, quá trình điều trị sẽ tự động được tiếp tục. <p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn điện: $\sim 230\text{V}$ 10% / 50 Hz / 70 VA - Lớp an toàn điện: I Type BF - Siêu âm: + Tần số siêu âm: $\geq 1\text{MHz}$ hoặc $\geq 3,3\text{MHz}$ + Cường độ siêu âm: $\geq 3\text{W}/\text{cm}^2$ + Tần số xung: $\leq 10 - \geq 150\text{ Hz}$ + Chế độ làm việc: Liên tục và xung + Chu kỳ: $\leq 5 - \geq 100\%$ + Thời gian điều trị: ≥ 30 phút - Thông số đầu phát siêu âm: + Diện tích vùng điều trị: $\geq 5\text{ cm}^2$ + Tần số siêu âm: $\geq 1\text{MHz}$ or $\geq 3,3\text{MHz}$ + Cường độ (chế độ liên tục): $\leq 0,1 - \geq 2,5\text{W}/\text{cm}^2$ + Cường độ (chế độ xung): $\leq 0,1 - \geq 3\text{W}/\text{cm}^2$ + Kiểu tia: chuẩn trực + Lớp chống nước, chống va đập: IPX7 + BNR: $< 6:1$ 		
--	--	--	--

PHỤ LỤC 2
MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm yêu cầu báo giá số 1054/TTYT-KD ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số /TYC-TTYT, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật.	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan)

2. Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí dịch vụ liên quan.

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày/, kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

, ngày.... tháng.... năm....

Đại diện hợp pháp của công ty, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)